

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT BAO BÌ TÂY ĐÔ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT BAO BÌ TÂY ĐÔ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAY DO PACKAGING PRODUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109687743

**3. Ngày thành lập:** 30/06/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô 1 Khu công nghiệp Phú Minh, tổ dân phố Phú Minh, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.37805022

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723     |
| 2.  | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                     | 4724     |
| 3.  | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751     |
| 4.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752     |
| 5.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722     |
| 6.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 7.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771     |
| 8.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4773     |
| 9.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ                                                                                        | 4781     |
| 10. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                | 4782     |
| 11. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                              | 4789     |
| 12. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                              | 6810     |
| 13. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330     |
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                   | 4322     |

|     |                                                                                                                      |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)               | 6820        |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                               | 4653        |
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                      | 4659        |
| 18. | In ấn<br>(trừ loại hình Nhà Nước cấm)                                                                                | 1811(Chính) |
| 19. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                             | 1812        |
| 20. | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Sản xuất bao bì từ plastic<br>- Sản xuất sản phẩm khác từ plastic                    | 2220        |
| 21. | Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì                                                                    | 1702        |
| 22. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa              | 4610        |
| 23. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(loại nhà nước cho phép)                   | 4620        |
| 24. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                   | 4632        |
| 25. | Bán buôn đồ uống                                                                                                     | 4633        |
| 26. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                 | 4641        |
| 27. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                   | 4649        |
| 28. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                  | 4651        |
| 29. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                   | 4652        |
| 30. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                              | 4663        |
| 31. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                    | 4690        |
| 32. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711        |
| 33. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                   | 4719        |
| 34. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4721        |

**6. Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 5.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                  | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                     | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | CÔNG TY CỔ<br>PHẦN Á<br>LONG | Lô A2 CN8, Cụm<br>Công nghiệp Từ<br>Liêm, Phường<br>Phương Canh,<br>Quận Nam Từ<br>Liêm, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 3.250.0<br>00 | 32.500.000.000           | 65,000       | 0101198853                                                                                                             |            |
|     |                              |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                              |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                              |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                              |                                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                              |                                                                                                                        | Tổng số                            | 3.250.0<br>00 | 32.500.000.000           | 65,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                              |                                                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN XUÂN<br>VINH            | Thôn Trung,<br>Phường Xuân<br>Đỉnh, Quận Bắc<br>Từ Liêm, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam                              | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 550.000       | 5.500.000.000            | 11,000       | 0010770002<br>93                                                                                                       |            |
|     |                              |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                              |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                              |                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                              |                                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                              |                                                                                                                        | Tổng số                            | 550.000       | 5.500.000.000            | 11,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                              |                                                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                                                                               |                           |           |                |        |              |
|---|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN VĂN TUẤN | Số 32 TT1, Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, Tổ dân phố Hoàng 20, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 1.200.000 | 12.000.000.000 | 24,000 | 001070021228 |
|   |                 |                                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                                               | Tổng số                   | 1.200.000 | 12.000.000.000 | 24,000 |              |
|   |                 |                                                                                                                               |                           |           |                |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN XUÂN VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 21/06/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001077000293

Ngày cấp: 08/03/2013

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Thôn Trung, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 34 ngõ 205 đường Xuân Đình, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội